

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/5/2024

Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hương

2. Bà Huỳnh Kim Phụng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Thế Hiển – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 233/2024/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, về việc: “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị Kim Tr**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Anh **Võ Văn T**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp H, xã A, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29 tháng 3 năm 2024 và lời trình bày của biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tr và anh T do quen biết nên tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới năm 1996. Vợ chồng chung sống từ năm 1996 đến nay không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2013, vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến. Chị Tr về nhà ba mẹ ruột sinh sống, anh T về nhà ba mẹ ruột sống. Hiện nay cả hai không còn sống chung, mỗi người đều có gia đình riêng nên chị Tr gửi đơn yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Huỳnh Thiên N, sinh ngày 21/12/1998, đã trưởng thành chị Tr không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Võ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T thừa nhận lời trình bày của chị Tr là đúng, hai bên quen biết và có tổ chức đám cưới vào năm 1996 và cả hai về sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Về mâu thuẫn anh thừa nhận vợ chồng chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến. Chị Tr về nhà ba mẹ ruột sinh sống, anh T về nhà ba mẹ ruột sống. Hiện nay cả hai không còn sống chung, mỗi người đều có gia đình riêng, nên anh T đồng ý ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Huỳnh Thiên N, sinh ngày 21/12/1998, đã trưởng thành anh T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Huỳnh Thị Kim Tr yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa chị với anh Võ Văn T, anh T còn đăng ký hộ khẩu thường trú ở ấp Long Hiệp, xã Long An, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ được quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1996 chị Tr và anh T có tìm hiểu và quen biết, cả hai tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996 cho đến nay, không có đăng ký kết hôn. Chị Tr và anh T đều xác nhận vợ chồng chung sống không đăng ký kết hôn. Đây là tình tiết sự kiện rõ ràng không phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy xác định chị Tr và anh T chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn là đúng.

[2.2] Tại phiên tòa hôm nay cả hai đều đồng ý ly hôn, nhưng hai người chung sống không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về việc Nam, nữ có điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Xét việc chị Tr và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, cả hai đã có gia đình riêng, nên không có giá trị pháp lý cho ly hôn. Căn cứ khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định của pháp luật*”. Vì vậy Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Huỳnh Thị Kim Tr và anh Võ Văn T là vợ chồng là đúng theo yêu cầu của chị Tr.

[2.3] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung Võ Huỳnh Thiên N, sinh ngày 21/12/1998 đã trưởng thành, chị Tr, anh T không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr, anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 1 Điều 92, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Huỳnh Thị Kim Tr và anh Võ Văn T là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Võ Huỳnh Thiên N, sinh ngày 21/12/1998 đã trưởng thành chị Tr và anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Huỳnh Thị Kim Tr phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ

thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số: N: 0001066 ngày 24/4/2024 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, chị Huỳnh Thị Kim Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Long Hồ;
- THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Điệp